TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUY ỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22-01-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim Phước

Ông Nguyễn Thanh Rực

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Thu Trân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Hồng Thủy -Kiểm sát viên.

Ngày 22-01-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2023 về việc "Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 15-12-2023, giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Bà Lưu Thị Anh Đ, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 379 Tổ 9, ấp T, xã Th, huyên H, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin xét xử mặt)

- <u>*Bị đơn*</u>: Ông Bùi Văn K, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn K kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lưu Thị Anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2020, bà Đ với ông K kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Th, huyên H, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian đầu chung sống hôn nhân thì ông bà sống hạnh phúc với nhau, nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh nhiều mẫu thuẫn vì tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cự cải với

nhau, vợ chồng ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông bà ly thân từ khoảng tháng 10-2020 cho đến nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống thì bà Đ trình bày không có con chung với ông K nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đ trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đ trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Bùi Văn K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu K kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Bùi Văn K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Xét thấy, ông K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan, còn bà Đ có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lưu Thị Anh Đ và ông Bùi Văn K.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lưu Thị Anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Bùi Văn K có nơi cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật là ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Đối với bị đơn là ông Bùi Văn K sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông K nhưng ông K không có ý kiến gì hay gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu K kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp và phiên hòa giải nên

điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến phản đối về yêu cầu K kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu K kiện và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông K kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2020 tại Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Trị, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và tại thời điểm kết hôn bà Đ và ông K không vi phạm điều cấm kết hôn. Vì vậy, hôn nhân giữa bà Đ và ông K là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong thời gian đầu chung sống, thì bà Đ và ông K rất hạnh phúc, nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh nhiều mẫu thuẫn, vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, bà Đ và ông K đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, không sống chung với nhau như vợ chồng, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân Gia đình.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà Đ và ông K đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn hay hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ.

[5]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Đ trình bày không có con chung với ông K và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Bà Đ tự trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về nợ chung: Bà Đ không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

[9]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng cũng như quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Anh Đ được ly hôn với ông Bùi Văn K.

2. Về con chung: Bà Lưu Thị Anh Đ trình bày không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Lưu Thị Anh Đ tự trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lưu Thị Anh Đ tự trình bày không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lưu Thị Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010079 ngày 18-10-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên bà Lưu Thị Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Th, huyên H, tỉnh Kiên Giang, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- UBND xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bảo Quốc

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bảo Quốc

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bảo Quốc

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bảo Quốc

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước **Huỳnh Phước** **Nguyễn Quốc Định**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Châu **Huỳnh Phước** **Nguyễn Quốc Định**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Cận **Huỳnh Phước** **Nguyễn Quốc Định**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Phước **Hà Văn Châu** **Nguyễn Quốc Định**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Định

Theo nội dung hợp đồng đặt cọc ngày 25-01-2021 thì không thể hiện thời hạn giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhưng theo tờ tường trình ngày 5-4-2021 của bà Thu đã nộp cho Tòa án, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì bà Thu và ông Kiên đều thừa nhận khi nào bà Thu được làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các bên sẽ ra công chứng để thực hiện việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Mặt khác, căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 752026 thì bà Trần Thị Thu đã được Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19-02-2021 đối với phần đất và căn nhà thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 24, tọa lạc Khóm 2, Phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là phần đất và tài sản gắn liền với đất mà bà Thu và ông Kiên đã thỏa thuận chuyển nhượng, mua bán. Do đó, có đủ cơ sở xác định thời hạn đặt cọc nhằm đảm bảo cho việc thực hiện việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà nêu trên là kể từ khi ký hợp đồng đặt cọc ngày 25-01-2021 đến ngày bà Thu được cấp giấy là ngày 19-02-2021.

Tuy nhiên, sau khi bà Thu được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất CX 752026 thì bà Thu không đồng ý tiếp tục thực hiện giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như đã thỏa thuận với ông Kiên tại hợp đồng đặt cọc ngày 25-01-2021 nên bà Thu đã vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc: *"...Bên B có nghĩa vụ đăng ký sang tên quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp bên B không cung cấp giấy tờ liên quan về thửa đất, hay thửa đất bị tranh chấp, đổi ý không bán thì phải bồi thường gấp 5 lần số tiền mà bên A đã đặt cọc..."* và quy định tại Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015: "*... Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*.". Do bà Thu đã từ chối không tiếp tục việc giao kết kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nên ông Kiên yêu cầu bà Thu phải trả tiền cọc 60.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 60.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và các cơ sở nêu trên, xét thấy yêu cầu K kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Phước **Hà Văn Châu** **Nguyễn Quốc Định**